



AR-26-VZ-011501-01 / EUVN004-00010725

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHI
Địa chỉ	: Khu C1, Đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 11/08/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Ống thoát khí thải của HTXL bụi xuất gạo - ống số 1
Mã số mẫu	: 607-2026-00008606

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=0.9; Kv=1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ040 VZ (a) Bụi tổng	mg/Nm ³	17	180	U.S. EPA Method 5
2	VZ03Y VZ (a) Lưu lượng nguồn thải	m ³ /h	6944	-	U.S. EPA Method 2
3	VZ0SN VZ (a) Lưu lượng nguồn thải	Nm ³ /h	6531	-	U.S. EPA Method 2

KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ngày lấy mẫu	: 11/08/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Ống thoát khí thải của HTXL bụi xuất Malt - ống số 2
Mã số mẫu	: 607-2026-00008607

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=0.9; Kv=1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ040 VZ (a) Bụi tổng	mg/Nm ³	23	180	U.S. EPA Method 5
2	VZ03Y VZ (a) Lưu lượng nguồn thải	m ³ /h	10135	-	U.S. EPA Method 2
3	VZ0SN VZ (a) Lưu lượng nguồn thải	Nm ³ /h	9737	-	U.S. EPA Method 2

KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ngày lấy mẫu	: 11/08/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Ống thoát khí thải của HTXL bụi nhập Malt, gạo - ống số 3
Mã số mẫu	: 607-2026-00008608

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=0.9; Kv=1	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ040 VZ (a) Bụi tổng	mg/Nm ³	25	180	U.S. EPA Method 5
2	VZ03Y VZ (a) Lưu lượng nguồn thải	m ³ /h	10926	-	U.S. EPA Method 2
3	VZ0SN VZ (a) Lưu lượng nguồn thải	Nm ³ /h	10056	-	U.S. EPA Method 2

KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.



AR-26-VZ-011501-01 / EUVN004-00010725

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 20 tháng 08 năm 2026



Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng



Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
(a): được công nhận theo ISO/EIC 17025:2017 VILAS 327.



AR-26-VZ-011585-01 / EUVN004-00010725

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHI

Địa chỉ : Khu C1, Đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày lấy mẫu : 11/08/2026

Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu : Nước thải đầu vào (bể điều hòa trạm xử lý nước thải)

Tình trạng mẫu : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh

Mã số mẫu : 607-2026-00008609

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=1.0	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ002 VZ (a) Nhiệt độ	°C	27,0	40	SMEWW 2550B:2023
2	VZ008 VZ (a) Màu	Pt-Co	46	50	SMEWW 2120C:2023
3	VZ001 VZ (a) pH	-	7,61	6-9	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
4	VZ00B VZ (a) BOD₅	mg/l	720	27	SMEWW 5210B:2023
5	VZ054 VZ (a) COD	mg/l	1119	67,5	SMEWW 5220C:2023
6	VZ05K VZ (a) Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	131	45	SMEWW 2540D:2023
7	VZ16H S4 Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	11,7	4,5	SMEWW 5520.B&F:2023
8	VZ011 VZ (a) Sunfua (S²⁻)	mg/l	1,43	0,18	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
9	VZ00D VZ (a) Amoni (N-NH₄⁺), tính theo N	mg/l	11,9	4,5	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023
10	VZ00Q VZ (a) Tổng nitơ	mg/l	25,2	18	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
11	VZ00P VZ (a) Tổng phospho	mg/l	4,02	3,6	SMEWW 4500-P.B&D:2023
12	VZ196 VZ (a) Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,01)	0,9	SOP-HTN08 (2023)
13	VZ16J S4 Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (LOD=2)	3000	SMEWW 9221B:2023

LOD: giới hạn phát hiện

LOQ: giới hạn định lượng

KPH: Không phát hiện.

- : Không có giá trị.



AR-26-VZ-011585-01 / EUVN004-00010725

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 24 tháng 08 năm 2026



Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng



Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
(a): được công nhận theo ISO/EIC 17025:2017 VILAS 327.
"S4": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm VIMCERTS 304.



AR-26-VZ-011586-01 / EUVN004-00010725

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHI
Địa chỉ	: Khu C1, Đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 11/08/2026
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải sau xử lý (mương xả trạm quan trắc tự động)
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2026-00008610

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=1.0	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ002 VZ (a) Nhiệt độ	°C	27,3	40	SMEWW 2550B:2023
2	VZ008 VZ (a) Màu	Pt-Co	32	50	SMEWW 2120C:2023
3	VZ001 VZ (a) pH	-	8,33	6-9	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
4	VZ00B VZ (a) BOD ₅	mg/l	3	27	SMEWW 5210B:2023
5	VZ054 VZ (a) COD	mg/l	< LOQ (40)	67,5	SMEWW 5220C:2023
6	VZ05K VZ (a) Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	6	45	SMEWW 2540D:2023
7	VZ00U VZ (a) Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0005)	0,045	SMEWW 3114C:2023
8	VZ010 VZ (a) Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	0,0045	SMEWW 3112B:2023
9	VZ0EE VZ (a) Cadimi	mg/l	KPH (LOD=0,01)	0,045	SMEWW 3120B:2023
10	VZ0ED VZ (a) Chì	mg/l	KPH (LOD=0,02)	0,09	SMEWW 3120B:2023
11	VZ16H S4 Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=1)	4,5	SMEWW 5520.B&F:2023
12	VZ011 VZ (a) Sunfua (S ²⁻)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	0,18	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
13	VZ00D VZ (a) Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	2,8	4,5	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023
14	VZ00Q VZ (a) Tổng nitơ	mg/l	6,2	18	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
15	VZ00P VZ (a) Tổng phospho	mg/l	KPH (LOD=0,02)	3,6	SMEWW 4500-P.B&D:2023
16	VZ196 VZ (a) Clo dư	mg/l	0,03	0,9	SOP-HTN08 (2023)
17	VZ16J S4 Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (LOD=2)	3000	SMEWW 9221B:2023



AR-26-VZ-011586-01 / EUVN004-00010725

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

LOD: giới hạn phát hiện
LOQ: giới hạn định lượng
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 24 tháng 08 năm 2026



Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng



Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/EIC 17025:2017 VILAS 327.

"S4": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm VIMCERTS 304.